

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN NAM
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/DS-ST
Ngày: 14-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN NAM, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Văn Tâm
- Ông Nguyễn Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Phong là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Phạm Viết Diệu Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-DS ngày 08/5/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Lê Thị L, sinh năm 1962.

Địa chỉ: khu phố L, thị trấn T, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: bà Bùi Thị D, sinh năm 1963.

Địa chỉ: khu phố N, thị trấn T, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Do có quen biết nhau nên vào ngày 13/7/2019 âm lịch bà có cho bà Bùi Thị D vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 30/7/2019 âm lịch, tiền lãi hai bên thỏa thuận bằng lời nói theo mức lãi suất của ngân hàng (bà không nhớ cụ thể); bà Bùi Thị D nói là vay tiền để đáo hạn khoản vay tại ngân hàng và đến nay bà Bùi Thị D chưa trả cho bà khoản nợ gốc và khoản tiền lãi nào. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Bùi Thị D có trách nhiệm trả cho bà 100.000.000 đồng nợ gốc.

- Bị đơn bà Bùi Thị D trình bày:

Bà thừa nhận có vay của bà Lê Thị L số tiền 100.000.000 đồng, bà tự tay viết và ký giấy mượn tiền đề ngày 13/7/2019 âm lịch để xác nhận nợ với bà Lê Thị L, hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 4%/tháng, mục đích vay là dùng để trả lãi cho các khoản nợ của cá nhân bà. Bà xác định, đến nay chưa trả cho bà Lê Thị L khoản nợ gốc và khoản tiền lãi nào nên đồng ý trả cho bà Lê Thị L số tiền 100.000.000 đồng nợ gốc như yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tiến hành tố tụng đúng pháp luật; đương sự chấp hành pháp luật.

Về nội dung vụ án: căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L, theo đó tuyên buộc bà Bùi Thị D có nghĩa vụ trả số tiền 100.000.000 đồng nợ gốc cho bà Lê Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Xét đơn khởi kiện của bà Lê Thị L và căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Bình Thuận (thuộc phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận) nhưng có đăng ký thường trú tại khu phố Nam Thành, thị trấn Thuận Nam, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

[1.2] Bị đơn bà Bùi Thị D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án quyết định xét xử vụ án vắng mặt bà Bùi Thị D.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L: nguyên đơn bà Lê Thị L khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị D có nghĩa vụ trả 100.000.000 đồng nợ gốc và cung cấp giấy nhận nợ đề ngày 13/7/2019 âm lịch để chứng minh, tài liệu này được bà Bùi Thị D thừa nhận đã tự tay viết, ký tên để xác nhận nợ với bà Lê Thị L, xác định đến nay chưa trả khoản vay này cho bà Lê Thị L và đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L. Việc bà Bùi Thị D thừa nhận nợ và đồng ý trả nợ như đã thể hiện tại phần nội dung vụ án là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự nên đủ cơ sở để khẳng định yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L là có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 cần buộc bà Bùi Thị D có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị L số

tiền 100.000.000 đồng nợ gốc. Nguyên đơn bà Lê Thị L không yêu cầu bà Bùi Thị D trả tiền lãi của khoản vay nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Bùi Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bà Bùi Thị D có đơn xin miễn án phí do bà là người cao tuổi; xét thấy đề nghị của bà Bùi Thị D phù hợp pháp luật nên Tòa án chấp nhận miễn toàn bộ án phí cho bà Bùi Thị D.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

1. Buộc bà Bùi Thị D có nghĩa vụ trả số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng nợ gốc cho bà Lê Thị L.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà Lê Thị L là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm; bà Bùi Thị D là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hàm Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Phương

